



CẬP NHẬT QUÝ

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG: HOSE)

Giá mục tiêu: 106.000 Đồng

Khuyến nghị: MUA

Tăng giá: 41,3%

24/08/2026



Nâng khuyến nghị: Mảng bách hóa tăng tốc góp phần bù đắp cho mảng sản phẩm công nghệ & điện máy chậm lại

Sau nhịp điều chỉnh gần đây của giá cổ phiếu, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với MWG lên **MUA** (từ KHA QUAN), với giá mục tiêu 12 tháng theo phương pháp SOTP là **106.000 đồng/cổ phiếu** (giảm từ 110.000 đồng), tương đương tiềm năng tăng giá là 41%. Quan điểm tích cực của chúng tôi được hỗ trợ bởi lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ (NPATMI) dự báo tăng 55% svck năm 2026 và 12,4% trong năm 2027. Tại mức P/E dự phóng 2026-2027 lần lượt là 9,8x và 8,8x, MWG hiện đang giao dịch thấp hơn đáng kể so với mức trung bình lịch sử là khoảng 17x.

Luận điểm đầu tư

- Mảng bách hóa dần trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận quan trọng.** Chúng tôi kỳ vọng mảng bách hóa sẽ tiếp tục cải thiện nhờ các yếu tố hỗ trợ từ chính sách, bao gồm việc siết chặt quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể, đóng cửa các chợ tự phát không đáp ứng quy định tại Hà Nội và TP. HCM, cùng các yêu cầu nghiêm ngặt hơn về truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Bên cạnh đó, việc tiếp tục mở rộng mạng lưới cửa hàng và tăng cường hiện diện tại khu vực miền Bắc sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng.
- Tăng trưởng mảng sản phẩm công nghệ & điện máy dự kiến chậm lại nhưng vẫn duy trì tích cực.** Chúng tôi dự kiến tốc độ tăng trưởng sẽ dẫn hạ nhiệt từ mức cao trong nửa đầu năm 2026, dù các chương trình mua trả góp vẫn sẽ hỗ trợ thu hút khách hàng và gia tăng thị phần. Do đó, chúng tôi cho rằng mảng này sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm hơn thay vì suy giảm mạnh.
- Vị thế tiền mặt dồi dào góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận.** Lượng tiền mặt lớn của MWG tiếp tục mang lại thu nhập tài chính cao, qua đó bù đắp một phần cho mảng sản phẩm công nghệ chậm lại.

Điểm nhấn KQKD

- MWG ghi nhận KQKD Q2/2026 cao kỷ lục với **doanh thu đạt 48,8 nghìn tỷ đồng (+29% svck)** và **lợi nhuận ròng đạt 3,35 nghìn tỷ đồng (+102% svck)**. Mặc dù quý 2 thường là giai đoạn thấp điểm của mảng sản phẩm công nghệ & điện máy, lợi nhuận Q2/2026 vẫn vượt Q1/2026, cho thấy đà tăng trưởng hoạt động mạnh hơn dự kiến.
- Trong khi đó, mảng bách hóa tăng tốc đáng kể về cả doanh thu lẫn lợi nhuận, bất chấp việc đẩy mạnh mở mới cửa hàng và tăng cường hiện diện tại khu vực miền Bắc. Biên lợi nhuận ròng cải thiện lên **3,4% trong Q2/2026 từ mức 3,1% trong Q1/2026**, qua đó củng cố quan điểm của chúng tôi rằng mảng bách hóa sẽ ngày càng đóng góp nhiều hơn vào lợi nhuận của MWG khi tăng trưởng mảng sản phẩm công nghệ & điện máy chậm lại.
- Lũy kế 6T2026, doanh thu đạt **95,2 nghìn tỷ đồng (+29% svck)** và **LNST đạt 6,1 nghìn tỷ đồng (+91% svck)**, hoàn thành 66% kế hoạch lợi nhuận cả năm của công ty. Sau khi điều chỉnh tăng 16% dự báo EPS năm 2026, chúng tôi kỳ vọng LNST nửa cuối năm 2026 tăng 45% svck.
- Chúng tôi đưa ra dự báo cho năm 2027, với LNST và NPATMI dự kiến lần lượt tăng **18% và 12% svck**, phản ánh nhu cầu sản phẩm công nghệ & điện máy giảm dần cũng như tác động pha loãng sau đợt IPO Điện Máy Xanh (DMX).

Rủi ro: Các rủi ro chính bao gồm nhu cầu đối với sản phẩm công nghệ & điện máy thấp hơn kỳ vọng do thu nhập của người tiêu dùng suy yếu sau đợt tăng lãi suất gần đây, cùng với việc mảng bách hóa cải thiện chậm hơn dự kiến.

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	118,280	134,341	156,458	188,488	223,046
Tăng trưởng DTT	-11.3%	13.6%	16.5%	20.5%	18.3%
Biên lợi nhuận gộp	19.0%	20.5%	19.4%	20.5%	20.8%
NPATMI	168	3,722	7,037	10,920	12,272
EPS (VND)	114	2,520	4,764	7,393	8,308
Tăng trưởng EPS	-95.9%	2119.8%	89.1%	55.2%	12.4%
Nợ/VCSH (x)	1.08	0.97	0.90	0.71	0.50
Tỷ suất cổ tức (%)	1%	2%	2%	3%	3%
ROE	0.7%	14.5%	23.1%	31.2%	29.2%
P/E (x)	373.3	24.0	18.6	9.8	8.8
P/B (x)	2.7	3.2	4.0	2.6	2.2
EV/EBITDA	11.4	9.3	10.1	5.6	4.9

Nguồn: MWG, SSI Research

Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

Giá CP - VND (21/08/26)	75.000
Vốn hóa (USDmn):	4.105
SLCP lưu hành (triệu cp):	1.476
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	5,4
Giá cao/thấp 52T (k VND):	92,3/62,3
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	15,6
Tỷ lệ SHNN (%):	49,0
GTNN còn được mua (USDmn):	0,0
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0,0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

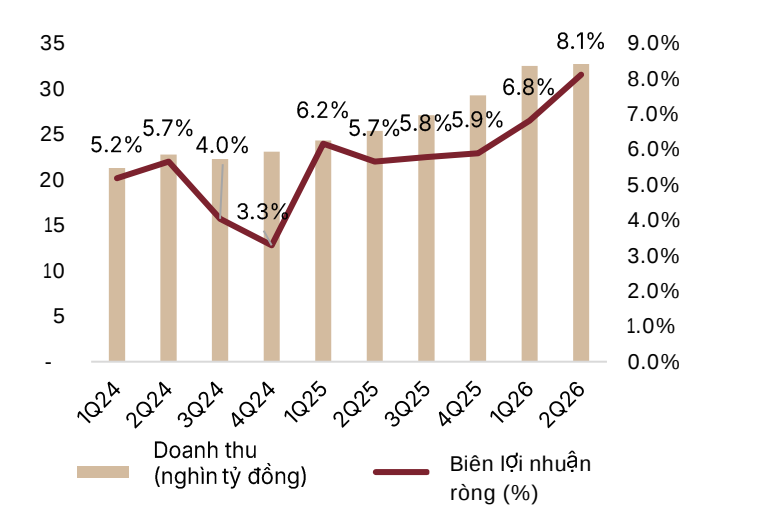
MWG – CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (trước đây là công ty TNHH Thế Giới Di Động) được thành lập vào tháng 3 năm 2004 với trọng tâm chính là bán điện thoại di động và các sản phẩm công nghệ khác. Vào tháng 10/2004, cửa hàng đầu tiên được khai trương tại TP.HCM và được đặt tên là www.thegioiiddong.com. Để thâm nhập vào thị trường điện tử, MWG đã mở chuỗi bán lẻ điện tử dưới tên Dienmay.com vào năm 2010. Năm 2015, công ty mở cửa hàng bách hóa đầu tiên mang tên Bách Hóa Xanh. Từ năm 2022, MWG bắt đầu hợp nhất tài chính chuỗi nhà thuốc An Khang vào báo cáo tài chính của mình. Cuối năm 2025, MWG có 1.012 cửa hàng thegioididong và 2.008 cửa hàng Điệnmayxanh và 2.559 cửa hàng Bách Hóa Xanh.

Cập nhật KQKD Q2/2026: MWG ghi nhận KQKD Q2/2026 cao kỷ lục, với doanh thu đạt 48,8 nghìn tỷ đồng (+29% svck) và lợi nhuận ròng đạt 3,35 nghìn tỷ đồng (+102% svck). Mặc dù quý 2 thường là mùa thấp điểm của mảng sản phẩm công nghệ & điện máy, lợi nhuận Q2/2026 vẫn vượt Q1/2026, cho thấy đà tăng trưởng hoạt động mạnh hơn dự kiến. Trong khi đó, mảng bách hóa tăng tốc đáng kể cả về doanh thu và lợi nhuận, dù vẫn đẩy mạnh mở rộng mạng lưới cửa hàng và tăng cường hiện diện tại khu vực miền Bắc. Lũy kế 6T2026, doanh thu và lợi nhuận ròng của MWG lần lượt đạt 95,2 nghìn tỷ đồng (+29% svck) và 6,1 nghìn tỷ đồng (+91% svck), hoàn thành 66% kế hoạch lợi nhuận cả năm của Ban lãnh đạo.

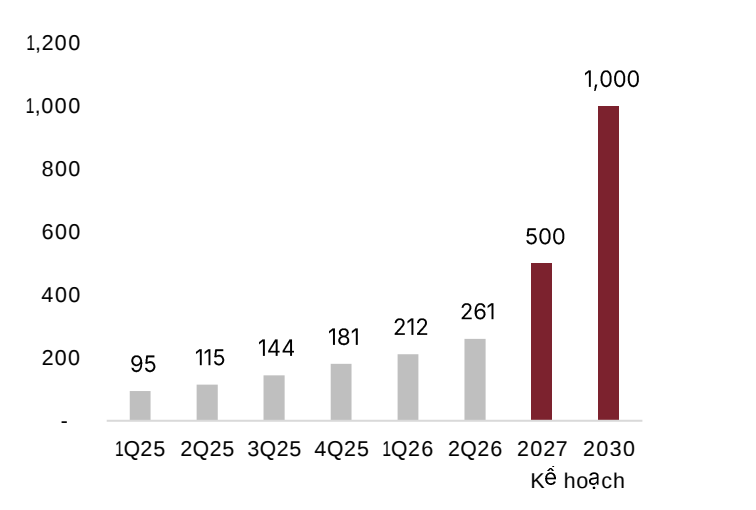
Mảng sản phẩm công nghệ & điện máy:

- KQKD Q2/2026:** Doanh thu mảng sản phẩm công nghệ & điện máy đạt 32,7 nghìn tỷ đồng (+30% svck). Tốc độ tăng trưởng giảm xuống 30% trong Q2/2026, từ 34% trong Q1/2026, phản ánh nhu cầu tiêu dùng hạ nhiệt sau mùa cao điểm ngành sản phẩm công nghệ cũng như sự thận trọng hơn trong chi tiêu của người tiêu dùng sau các đợt tăng giá gần đây. Tuy nhiên, biên lợi nhuận ròng cải thiện đáng kể trong Q2/2026 nhờ (1) giá bán tăng khoảng 10-15% ở hầu hết các nhóm sản phẩm chủ lực; (2) cơ cấu sản phẩm thuận lợi hơn với tỷ trọng đóng góp cao hơn từ nhóm điện máy; và (3) hiệu ứng đòn bẩy hoạt động. Theo đó, lợi nhuận ròng đạt 2,65 nghìn tỷ đồng (+85% svck), trong khi biên lợi nhuận ròng tăng lên 8,1% trong Q2/2026 từ mức 6,9% trong Q1/2026.

KQKD của DMX



Số lượng cửa hàng Erablue



Nguồn: MWG, SSI Research

Nguồn: MWG, SSI Research

- EraBlue** (chuỗi sản phẩm công nghệ & điện máy tại Indonesia) tiếp tục đẩy mạnh mở rộng mạng lưới cửa hàng, góp phần thúc đẩy doanh thu tăng mạnh 85% svck trong Q2/2026, sau khi đã tăng 100% svck trong Q1/2026. Tính đến cuối tháng 6, Erablue đã có 261 cửa hàng (bao gồm 80 cửa hàng mở mới trong năm) và dự kiến tiếp tục chiến lược đẩy mạnh mở rộng mạng lưới hướng tới 500 cửa hàng vào năm 2027 và 1.000 cửa hàng vào năm 2030.
- Điều chỉnh dự báo lợi nhuận giai đoạn 2026-2027:** Trước KQKD Q2/2026 tốt hơn kỳ vọng, được hỗ trợ bởi nhu cầu thay mới/nâng cấp thiết bị cùng với các đợt tăng giá gần đây, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận năm 2026. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sẽ chậm lại từ nửa cuối năm 2026, khi lãi suất tăng có thể làm gia tăng áp lực trả nợ vay mua nhà của người tiêu dùng, trong khi phần lớn nhu cầu thay mới và nâng cấp dường như đã qua. Xu hướng này đã được phản ánh phần nào trong tháng 7, khi tăng trưởng doanh thu mảng sản phẩm công nghệ & điện máy giảm xuống còn 17% svck. Chúng tôi cho rằng đà giảm sẽ rõ nét hơn trong năm 2027.

Theo đó, chúng tôi nâng dự báo doanh thu mảng sản phẩm công nghệ & điện máy năm 2026 lên 127,3 nghìn tỷ đồng (+20% svck, từ 121,0 nghìn tỷ đồng) và lợi nhuận ròng lên 9,9 nghìn tỷ đồng (+57% svck, từ 7,8 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi cũng đưa ra dự báo cho năm 2027, với doanh thu đạt 136,4 nghìn tỷ đồng (+7% svck) và lợi nhuận ròng đạt 10,3 nghìn tỷ đồng (+4% svck).

Sản phẩm công nghệ & điện máy	2025	2026E	2027E	2026E YoY	2027E YoY
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	105,7	127,3	136,4	20%	7%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	6.342	9.933	10.329	57%	4%

Nguồn: MWG, SSI dự báo

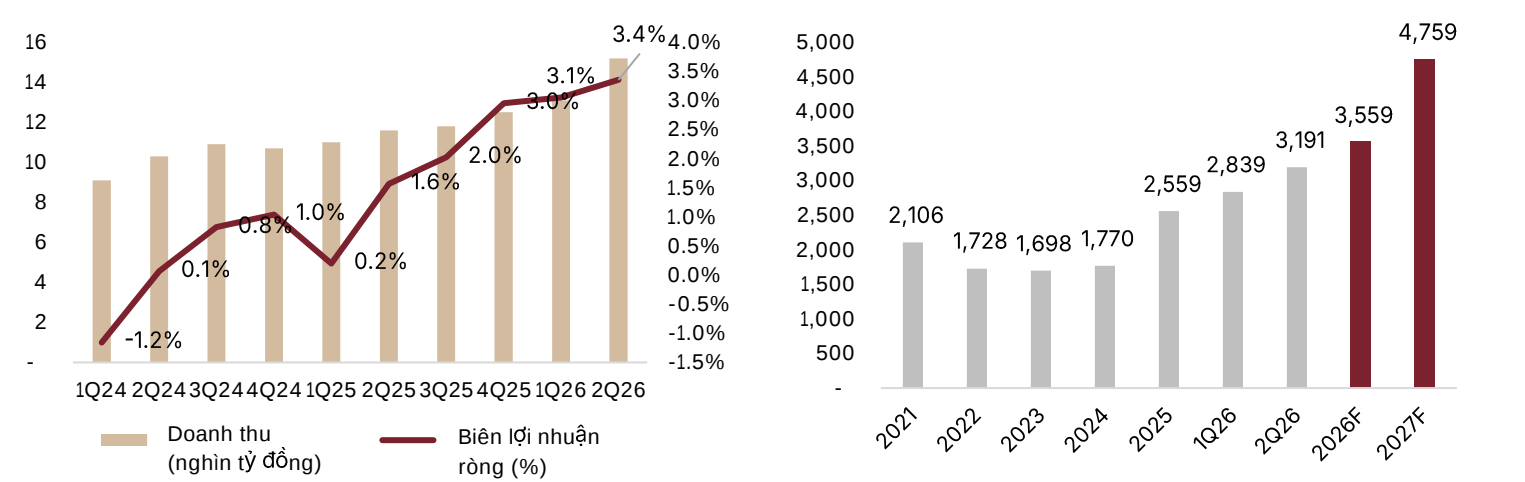
Mảng bách hóa:

- KQKD Q2/2026:** Doanh thu đạt 15,2 nghìn tỷ đồng (+31% svck trong Q2/2026, cao hơn mức tăng 19% svck trong Q1/2026). Lợi nhuận ròng đạt 510 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận ròng đạt 3,4%, tăng từ 3,1% trong Q1/2026, dù công ty đẩy mạnh mở rộng mạng lưới cửa hàng với 632 cửa hàng mở mới tính từ đầu năm đến nay. Việc biên lợi nhuận tiếp tục tăng cho thấy

hiệu quả đòn bẩy hoạt động cải thiện, đồng thời phản ánh năng lực triển khai ngay cả khi doanh nghiệp duy trì đầy mạnh mở rộng mạng lưới cửa hàng.

KQKD của BHX

Số lượng cửa hàng BHX



Nguồn: MWG, SSI Research

- Dự báo KQKD 2026-2027:** Chúng tôi giữ nguyên dự báo đối với mảng bách hóa trong năm 2026 với doanh thu đạt 58,7 nghìn tỷ đồng (+25% svck) và lợi nhuận ròng đạt 1,8 nghìn tỷ đồng (+122% svck). Chúng tôi cũng đưa ra dự báo năm 2027 với doanh thu đạt 84,1 nghìn tỷ đồng (+43% svck) và lợi nhuận ròng đạt 3,4 nghìn tỷ đồng (+91% svck). Theo đó, biên lợi nhuận ròng mảng bách hóa dự kiến cải thiện từ 3,1% trong năm 2026 lên 4,1% trong năm 2027. Chúng tôi cho rằng việc tăng cường quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể, đóng cửa các chợ tự phát không đúng quy định tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, cùng với việc siết chặt các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc thực phẩm sẽ góp phần tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho các chuỗi bách hóa hiện đại mở rộng hoạt động và gia tăng thị phần. Với vị thế là chuỗi bách hóa lớn nhất cả về doanh thu và lợi nhuận, Bách Hóa Xanh (BHX) được đánh giá là một trong những doanh nghiệp hưởng lợi đáng kể từ các yếu tố hỗ trợ này.

Mảng bách hóa	2025	2026F	2027F	2026F YoY	2027F YoY
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	46,9	58,7	84,1	25%	43%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	812	1.799	3.428	122%	91%
Biên lợi nhuận ròng	1,7%	3,1%	4,1%		

Nguồn: MWG, SSI dự báo

L luận điểm đầu tư

Chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng năm 2026 đạt 11,7 nghìn tỷ đồng (+66% svck), tăng đáng kể so với dự báo trước là 9,5 nghìn tỷ đồng và cao hơn nhiều so với kế hoạch lợi nhuận 9,2 nghìn tỷ đồng (+30% svck) của công ty. Sang năm 2027, chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng đạt 13,9 nghìn tỷ đồng (+18% svck) và NPATMI đạt 12,3 nghìn tỷ đồng (+12% svck). Chúng tôi giả định mức tăng trưởng doanh thu mạnh của mảng sản phẩm công nghệ & điện máy trong nửa đầu năm 2026 sẽ dần hạ nhiệt trong các quý tiếp theo, khi mặt bằng giá bán cao có thể ảnh hưởng đến nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, việc tỷ lệ sở hữu của MWG tại DMX giảm từ 99% xuống 86% sau đợt IPO gần đây cũng là nguyên nhân sẽ khiến tốc độ tăng trưởng NPATMI chậm lại trong năm 2027.

	2023	2024	2025	2026	2027	2026 YoY	2027 YoY
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	118,3	134,3	156,5	188,5	223,0	20%	18%
Sản phẩm công nghệ & điện máy	83,5	89,5	105,7	127,3	136,4	20%	7%
Mảng bách hóa	31,6	41,0	46,9	58,7	84,1	25%	43%
Mảng nhà thuốc	2,2	2,3	2,2	2,4	2,5	10%	5%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	168	3.733	7.076	11.743	13.891	66%	18%
Sản phẩm công nghệ & điện máy	1.873	4.069	6.342	9.933	10.329	57%	4%
Mảng bách hóa	(1.211)	103	812	1.799	3.428	122%	91%
Mảng nhà thuốc	(343)	(347)	(112)	(12)	13	N.a	N.a
Khác	(98)	-	-	1	2		

Nguồn: MWG, SSI dự báo

Mặc dù điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận năm 2026, chúng tôi giảm giá mục tiêu 12 tháng theo phương pháp SOTP xuống **106.000 đồng/cổ phiếu** (từ 110.000 đồng/cổ phiếu), tương đương tiềm năng tăng giá là 41%. Chúng tôi chuyển cơ sở định giá từ năm 2026 sang mức bình quân lợi nhuận giai đoạn 2026-2027, đồng thời giảm hệ số P/E mảng sản phẩm công nghệ & điện máy từ 11x xuống 9x nhằm phản ánh xu hướng tăng trưởng đang dần trở về mức bình thường. Sau đợt điều chỉnh gần đây của giá cổ phiếu, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với MWG từ **KHẢ QUAN** lên **MUA**. MWG hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng

năm 2026 và 2027 lần lượt là 9,8x và 8,8x, thấp hơn đáng kể so với mức P/E trung bình lịch sử là khoảng 17x. Chúng tôi cũng nhận thấy MWG đang được giao dịch ở mức P/E và P/B tương đối thấp hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành với mức ROE khoảng 20%.

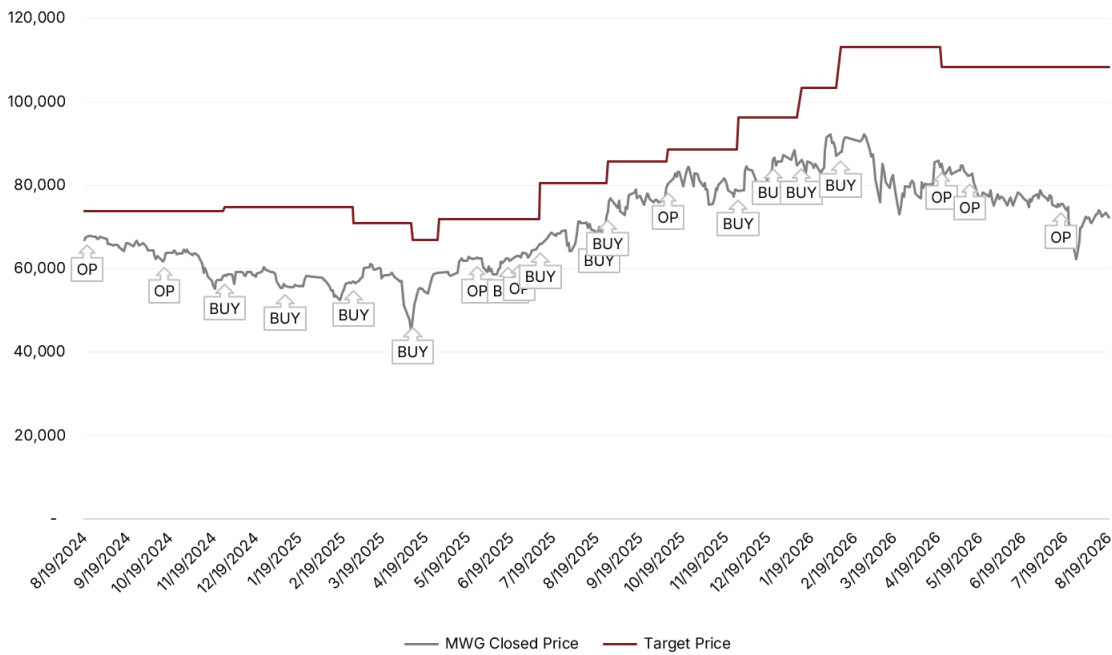
	PP định giá	Giá trị VCSH	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ đồng
Sản phẩm công nghệ & điện máy	P/E	91.178	86%	78.413
Erablue	P/S	8.515	45%	3.832
Màng bách hóa	DCF	77.401	95%	73.492
Màng nhà thuốc	P/S	1.488	100%	1.488
Định giá MWG				157.225
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)				1.477
Giá mục tiêu (đồng)				106.446

Nguồn: MWG, SSI dự báo

	Công ty	Vốn hóa hiện tại (triệu USD)	P/B	P/E	P/S	Tăng trưởng doanh thu	Tăng trưởng lợi nhuận ròng	Biên lợi nhuận ròng	ROE
Sàn phẩm công nghệ & điện máy	COM7 PCL	1.540,5	6,6	15,4	0,8	18%	30%	5%	41%
	SUNING.COM CO LTD-A	2.144,9	0,9	157,3	0,2	-14%	-91%	0%	0%
	ERAJAYA SWASEMBADA TBK PT	407,7	0,8	5,2	0,1	13%	11%	2%	14%
	FPT DIGITAL RETAIL JSC	943,4	5,3	22,5	0,4	23%	141%	2%	26%
	DIGIWORLD CORP	373,6	2,5	11,3	0,3	16%	19%	2%	17%
	INTERNATIONAL HOUSEWARES RET	64,4	0,5	10,2	0,2	-6%	-49%	2%	5%
	MIDA ASSETS PCL	14,5	0,4	N,a	0,4	4%	116%	-22%	-13%
	SPVI PCL	28,8	2,3	9,3	0,2	32%	129%	1%	17%
	BHATIA COMMUNICATIONS & RETA		4,2	22,5	0,7	5%	17%	3%	18%
Trung vị			2,3	13,3	0,3				
Màng bách hóa	ROBINSONS RETAIL HOLDINGS IN	645,3	0,4	6,9	0,2	5%	-45%	3%	7%
	SUN ART RETAIL GROUP LTD	1.859,7	0,5	N,a	0,1	-6%	-107%	0%	0%
	SUMBER ALFARIA TRIJAYA TBK P	4.773,9	3,1	15,8	0,4	3%	4%	3%	20%
	JIAJIAYUE GROUP CO LTD-A	1.223,6	2,4	28,1	0,3	-1%	51%	1%	8%
	SHANGHAI BAILIAN GROUP CO-B	2.200,1	0,3	5,7	0,3	-10%	-60%	3%	3%
	SANJIANG SHOPPING CLUB CO-A	1.290,0	1,7	32,9	1,5	1%	32%	5%	6%
	BETTER LIFE COMMERCIAL CHA-A	1.995,0	1,1	94,2	2,2	23%	-91%	3%	1%
	Trung vị		1,1	21,9	0,3				
CTCP Đầu tư Thế giới Di động *		4.747,0	3,0	10,8	0,6	12%	82%	5%	23%
TB doanh nghiệp cùng ngành			4.0	16.1	0.5	16%	57%	3%	23%

Nguồn: Bloomberg, *SSI dự báo

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương	5.697	5.000	6.797	7.946
+ Đầu tư ngắn hạn	28.524	33.874	33.874	33.874
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	8.764	10.153	6.691	7.918
+ Hàng tồn kho	22.245	27.267	36.732	43.260
+ Tài sản ngắn hạn khác	544	921	1.842	2.175
Tổng tài sản ngắn hạn	65.774	77.215	85.937	95.173
+ Các khoản phải thu dài hạn	390	404	754	892
+ GTCL Tài sản cố định	3.587	2.598	3.413	5.258
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	25	91	91	91
+ Đầu tư dài hạn	242	3.136	3.136	3.136
+ Tài sản dài hạn khác	202	515	583	688
Tổng tài sản dài hạn	4.445	6.744	7.977	10.065
Tổng tài sản	70.219	83.959	93.914	105.238
+ Nợ ngắn hạn	42.097	50.780	51.860	52.247
Trong đó: vay ngắn hạn	27.300	29.931	29.985	26.485
+ Nợ dài hạn	0	0	0	0
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	42.097	50.780	51.860	52.247
+ Vốn góp	14.622	14.697	14.770	14.770
+ Thặng dư vốn cổ phần	558	-153	-153	-153
+ Lợi nhuận chưa phân phối	12.582	18.072	26.038	35.355
+ Quỹ khác	359	563	1.399	3.018
Vốn chủ sở hữu	28.122	33.179	42.054	52.991
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	70.219	83.959	93.914	105.238
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	8,511	6,148	7,311	10,843
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-10,937	-6,712	-2,700	-3,240
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	2,757	667	-2,814	-6,454
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	332	103	1,797	1,149
Tiền đầu kỳ	5,366	4,897	5,000	6,797
Tiền cuối kỳ	5,697	5,000	6,797	7,946
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,56	1,52	1,66	1,82
Hệ số thanh toán nhanh	1,02	0,97	0,91	0,95
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,81	0,77	0,78	0,80
Nợ ròng / EBITDA	-0,34	-0,66	1,39	1,11
Khả năng thanh toán lãi vay	5,24	6,87	12,86	18,77
Ngày phải thu	0,7	0,6	0,8	1,0
Ngày phải trả	29,1	32,2	30,6	27,0
Ngày tồn kho	75,3	71,6	77,9	82,7
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,40	0,40	0,45	0,50
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,60	0,60	0,55	0,50
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,50	1,53	1,23	0,99
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,97	0,90	0,71	0,50
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,97	0,90	0,71	0,50

Nguồn: MWG, SSI Research

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	134.341	156.458	188.488	223.046
Giá vốn hàng bán	-106.842	-126.164	-149.927	-176.570
Lợi nhuận gộp	27.499	30.294	38.560	46.476
Doanh thu hoạt động tài chính	2.377	3.107	3.503	3.116
Chi phí tài chính	-1.188	-1.543	-1.199	-927
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-19.850	-18.619	-21.726	-26.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-3.566	-4.596	-4.935	-5.939
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.227	8.667	14.266	16.522
Thu nhập khác	-401	-31	-39	-46
Lợi nhuận trước thuế	4.826	8.636	14.226	16.476
Lợi nhuận ròng	3.733	7.076	11.743	13.891
Lợi nhuận chia cho cổ đông	3.722	7.037	10.920	12.272
Lợi ích của cổ đông thiểu số	11	39	823	1.619
EPS cơ bản (VND)	2.520	4.764	7.393	8.308
Giá trị sổ sách (VND)	18.993	22.203	27.525	33.833
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	5.963	10.107	15.426	17.403
EBITDA	8.876	11.998	17.311	18.798
Tăng trưởng				
Doanh thu	13,6%	16,5%	20,5%	18,3%
EBITDA	59,5%	35,2%	44,3%	8,6%
EBIT	179,0%	69,5%	52,6%	12,8%
Lợi nhuận ròng	2124,5%	89,5%	66,0%	18,3%
Vốn chủ sở hữu	20,4%	18,0%	26,7%	26,0%
Vốn điều lệ	-0,1%	0,5%	0,5%	0,0%
Tổng tài sản	16,8%	19,6%	11,9%	12,1%
Định giá				
P/E	24,0	18,6	9,8	8,8
P/B	3,2	4,0	2,6	2,2
Giá/Doanh thu	0,7	0,8	0,6	0,5
Tỷ suất cổ tức	1,6%	2,3%	2,7%	2,7%
EV/EBITDA	9,3	10,1	5,6	4,9
EV/Doanh thu	0,6	0,8	0,5	0,4
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	20,5%	19,4%	20,5%	20,8%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	3,1%	4,6%	6,8%	6,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	2,8%	4,5%	6,2%	6,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	14,8%	11,9%	11,5%	11,8%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,7%	2,9%	2,6%	2,7%
ROE	14,5%	23,1%	31,2%	29,2%
ROA	5,7%	9,2%	13,2%	13,9%
ROIC	8,9%	14,0%	18,8%	19,4%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321